**Trường THPT Nguyễn Khuyến – Q10**

**Tổ: Địa Lí**

**KẾ HOẠCH HƯỚNG DẪN BÀI HỌC CHO HỌC SINH**

**MÔN ĐỊA LÍ KHỐI 12**

 **Tuần từ 17/2 đến 29/2/2020**

1. **Yêu cầu chung**

- HS khối 12 dựa vào SGK hoặc đề cương nghiên cứu trước các chủ đề công nghiệp, thương mại và du lịch của Việt Nam, vùng( TDMNBB, Tây Nguyên). Nội dung cụ thể từ bài 26 đến bài 32.

- Hình thức thể hiện: Vẽ sơ đồ tư duy hoặc trình bày theo hình thức khác mà các em thấy hấp dẫn dễ học, dễ hiểu.

- Làm các câu hỏi trắc nghiệm của mỗi chủ đề.

1. **Đánh giá kết quả:** Kết quả tìm hiểu của HS khối 12 sẽ lấy vào cột 15 phút.

**NỘI DUNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

 **BÀI 26: CƠ CẤU NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

**Câu 1:** Theo cách phân loại hiện hành, cơ cấu công nghiệp theo ngành ở nước ta được chia thành 3 nhóm chính là

A. công nghiệp khai thác, công nghiệp chế biến, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

B. công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp phụ trợ.

C. công nghiệp cấp, công nghiệp cấp hai, công nghiệp cấp ba.

D. công nghiệp khai thác, công nghiệp chế biến, công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước.

**Câu 2:** Một trong những đặc điểm quan trọng của cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta là

A. đang nổi lên một số ngành trọng điểm.

B. đang ưu tiên cho các ngành công nghiệp tuyền thống.

C. đang tập trung phát triển các ngành công nghiệp nặng đòi hỏi nguồn vốn lớn.

D. đang chú ý phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động.

**Câu 3:**Ngành nào dưới đây không phải là ngàng công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay?

A. Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm

B. Công nghiệp cơ khí – điện tử

C. Công nghiệp vật liệu xây dựng

D. Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản

**Câu 4:** Cơ cấu ngành công nghiệp (theo ba nhóm) ở nước ta đang chuyển dịch theo hướng:

A. Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến và giảm tỉ trọng các nhóm ngành khác

B. Tăng tỉ trọng công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước và giảm tỉ trọng các nhóm ngành khác

C. Tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác và giảm tỉ trọng các nhóm ngành khác

D. Giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến và tăng tỉ trọng các nhóm ngành khác

**Câu 5:** Cơ cấu của ngành công nghiệp nước ta chuyển dịch không phải do:

A. Đướng lối phát triển công nghiệp của nước ta.

B. Sự tác động của thị trường.

C. Theo xu hướng chung của toàn thế giới.

D. Tác động của các thiên tai trong thời giam gần đây.

**Câu 6:** công nghiệp nước ta phát triển trậm, phân bố phân tán, rời rạc ở:

A. Đồng bằng sông Hồng.       B. Đông Nam Bộ.

C. Ven biển miền Trung.       D. Vùng núi.

**Câu 7:** Hướng nào dưới đây không đặt ra để tiếp tục hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp nước ta?

A. Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp nặng.

B. Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị, công nghệ.

C. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.

D. Xây dựng cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.

**Câu 8:** Yếu tố dặc biệt quan trọng làm cho các vùng trung du và miền núi của nước ta còn gặp nhiều khó khăn trong phát triển công nghiệp hiện nay là :

A. Thiếu tài nguyên khoáng sản.

B. Vị trí địa không thuận lợi.

C. Giao thông vận tải kém phát triển.

D. Nguồn lao động có trình độ thấp.

**Câu 9:**Cơ cấu công nghiệp phân theo nhóm ngành kinh tế ở nước ta đang chuyển dịch theo hướng:

A. Mở rộng sự tham gia của các thành phần kinh tế.

B. Tập trung cho thành phần kinh tế Nhà nước.

C. Giảm tỉ trọng của khu vực ngoài Nhà nước.

D. Hạn chế thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 10:** Năm 2005, thành phần kinh tế chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp ở nước ta là:

A. Kinh tế Nhà nước.       B. Kinh tế ngoài Nhà nước.

C. Kinh tế tư nhân.       D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

 \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

# Bài 30 : VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ THÔNG TIN LIÊN LẠC

**Câu 11.** Đặc điểm nào sau đây đúng với mạng lưới giao thông vận tải nước ta ?

A. Phát triển khá toàn diện, gồm nhiều loại hình vận tải khác nhau.

B. Các loại hình vận tải có những đặc điểm chung giống nhau.

C. Hòa nhập vào mạng lưới giao thông vận tải của khu vực và thế giới một cách thống nhất.

D. Các loại hình vận tải có vai trò như nhau đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 12.** Đặc điểm **không** phải của đường bộ nước ta là

A. ngày càng được mở rộng. B. được hiện đại hóa.

C. mạng lưới ô tô đã phủ kín các vùng. D. các trục chính đều hướng tây - đông.

**Câu 13.** Đây là một trong những đặc điểm của mạng lưới đường ô tô của nước ta.

A. mật độ thuộc loại cao nhất khu vực.

B. hơn một nửa đã được trải nhựa.

C. về cơ bản đã phủ kín các vùng.

D. chủ yếu chạy theo hướng Bắc-Nam.

**Câu 14.**Trục đường bộ xuyên quốc gia đứng đầu nước ta là

A. đường 14. B. đường Hồ Chí Minh.

C. quốc lộ 1A. D. quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh.

**Câu 15.** Tuyến đường xương sống của cả hệ thống đường bộ nước ta là:

A. Quốc lộ 1. B. Đường Hồ Chí Minh.

C. Đường 14. D. Đường 20.

**Câu 16.** Trục đường xuyên quốc gia thứ hai có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của dải phía tây đất nước là

A. đường Hồ Chí Minh. B. đường số 14.

C. đường số 15. D. đường số 61.

**Câu 17.** Quốc lộ 1 ở nước ta chạy suốt từ cửa khẩu :

A. Lào Cai đến thành phố Cần Thơ. B. Thanh Thủy đến Cà Mau.

C. Hữu Nghị đến Năm Căn. D. Móng Cái đến Hà Tiên.

**Câu 18.** Quốc lộ 1 **không** đi qua vùng kinh tế nào ở nước ta ?

A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Tây Nguyên.

C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 19.** Đường quốc lộ 1A **không** đi qua thành phố này :

A. Cần Thơ. B. Việt Trì. C. Thanh Hoá. D. Biên Hoà.

**Câu 20.** Từ Bắc vào Nam, đường quốc lộ 1A đi qua lần lượt các tỉnh thành :

A. Hà Nam, Hà Tĩnh, Bắc Giang, Cần Thơ, An Giang.

B. Bắc Giang, Hà Nam, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Cần Thơ.

C. Hà Tĩnh, Hà Nam, Bắc Giang, Đồng Nai, Cần Thơ.

D. Bắc Giang, Phú Thọ, Thái Bình, Hà Tĩnh, Đồng Nai.

 \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

# Bài 31: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI DU LỊCH

**Câu 21**. Khu vực chiếm tỉ trọng cao nhất trong hoạt động nội thương của nước ta là

A. Nhà nước. B. Tập thể. C. Tư nhân, cá thể. D. Nước ngoài.

**Câu 22**. Dựa vào Atlas, cho biết hàng nhập khẩu chiếm tỉ trọng cao nhất ở nước ta hiện nay là

A. Lương thực, thực phẩm. B. Nguyên, nhiên vật liệu.

C. Máy móc thiết bị. D. Hàng tiêu dùng.

**Câu 23**. Dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu 17 mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta hiện nay là

A. Hàng may mặc. B. Hàng thuỷ sản.

C. Gạo. D. Dầu thô.

**Câu 24**. Đâu **không phải** là hạn chế của hàng chế biến để xuất khẩu ở nước ta.

A. Tỉ trọng hàng gia công còn lớn. B. Giá thành sản phẩm còn cao.

C. Phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập. D. Lao động dồi dào, giá rẻ.

**Câu 25**. Thị trường nhập khẩu chủ yếu của nước ta hiện nay là

A. Các nước ASEAN. B. Các nước EU.

C. Hoa Kì. D. Trung Quốc.

**Câu 26**. Hiện nay, sự phân bố các hoạt động du lịch của nước ta phụ thuộc nhiều nhất vào

A. Sự phân bố dân cư. B. Sự phân bố các ngành sản xuất.

C. Sự phân bố các tài nguyên du lịch. D. Sự phân bố các TT thương mại, DV.

**Câu 27**. Các di sản thế giới của nước ta tập trung nhiều nhất ở khu vực

A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Duyên hải miền Trung. D. Đông Nam Bộ.

**Câu 28.** Trong hoạt động về kinh tế đối ngoại ở nước ta hiện nay, quan trọng nhất là

A. Hoạt động ngoại thương (xuất nhập khẩu).

B. Hợp tác quốc tế về đầu tư và lao động.

C. Du lịch quốc tế và các hoạt động thu ngoại tệ khác.

D. Các hoạt động thu ngoại tệ khác.

**Câu 29**. Ý nào sau đây **không đúng** với ngành nội thương của nước ta?

A. Trong cả nước đã hình thành thị trường thống nhất.

B. Hàng hóa phong phú, đa dạng.

C. Thu hút sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.

D. KV có vốn đầu tư nước ngoài chiềm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hóa.

**Câu 30**. Từ thập kỉ 90 của thế kỉ XX đến nay, hoạt động nội thương đã trở nên nhộn nhịp,chủ yếu

là do

A. Sự xâm nhập hàng hóa từ bên ngoài vào. B. Thay đổi cơ chế quản lí.

C. Nhu cầu của người dân tăng cao. D. Hàng hóa phong phú, đa dạng.

 \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

# Bài 32: VẤN ĐỀ KHAI THÁC THẾ MẠNH Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

**Câu 31.** Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ gồm mấy tỉnh ?

A. 13. B. 14. C. 15. D.16.

**Câu 32.** Các tỉnh thuộc vùng Tây Bắc nước ta là :

A. Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hà Giang. B. Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình.

C. Sơn La, Hòa Bình, Lào Cai, Yên Bái. D. Sơn La, Điện Biên, Phú Thọ, Hà Giang.

**Câu 33.**Tỉnh nào sau đây không thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ ?

A. Điện Biên. B. Thái Nguyên. C. Vĩnh Phúc. D. Phú Thọ.

**Câu 34.**Điểm nào sau đây không đúng với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ ?

A. Diện tích lớn nhất nước ta. B. Số dân lớn nhất nước ta.

C. Có 15 tỉnh. D. Gồm hai vùng Tây Bắc và Đông Bắc.

**Câu 35.** Với diện tích khoảng 101 000 km2, dân số 12 triệu người (năm 2006), mật độ dân số của Trung du và miền núi Bắc bộ là:

A. 50 người/km2. B. 100 người/km2.

C. 120 người/km2. D. 119 người/km2.

**Câu 36.**Trung du và miền núi Bắc Bộ không giáp với

A. Bắc Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Biển Đông. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 37.**Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có mùa đông lạnh nhất nước ta, do

A. có nhiều dãy núi hướng tây bắc – đông nam.

B. ảnh hưởng của vị trí, địa hình và các dãy núi hướng vòng cung.

C. có vị trí giáp biển và nhiều đảo ven bờ.

D. các đồng bằng đón gió.

**Câu 38.**Khả năng đa dạng hóa cơ cấu kinh tế, với những thế mạnh về công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện, nền nông nghiệp nhiệt đới có cả những sản phẩm cận nhiệt và ôn đới, phát triển tổng hợp kinh tế biển, du lịch của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ bắt nguồn từ

A. tài nguyên thiên nhiên đa dạng.

B. nguồn lao động có nhiều kinh nghiệm sản xuất truyền thống.

C. chính sách phát triển miền núi của Nhà nước.

D. sự giao lưu thuận lợi với các vùng khác ở trong và ngoài nước.

**Câu 39.**Điểm nào sau đây không đúng với dân cư – xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Là vùng thưa dân.

B. Cơ sở vật chất kỹ thuật đã có nhiều tiến bộ.

C. Có nhiều dân tộc ít người.

D. Là vùng căn cứ địa cách mạng.

**Câu 40.**Nét đặc trưng về vị trí của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. có cửa ngỏ giao lưu với thế giới. B. giáp hai vùng kinh tế, giáp biển.

C. có biên giới chung với hai nước, giáp biển. D. giáp Lào, giáp biển.